

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TS
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/3/2021

V/v: “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Cảnh

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 373/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. N đơn: Anh Lê Chí C, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: số 202, tổ 12, ấp TP 5, xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị Trịnh Thị Thanh T, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 188, tổ 8, ấp PH, xã Tây P, huyện TS, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, N đơn anh Lê Chí C trình bày:*

Anh và chị Trịnh Thị Thanh T do mai mối và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 08/4/2013. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 01 con chung tên Lê Thị T N sinh ngày 10/10/2013. Nhưng đến tháng 12/2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn N nhân do bất đồng quan điểm sống, chị T thường xuyên về nhà mẹ ruột ở không quan tâm đến gia đình, ngoài ra thì mẹ anh có cố đất của mẹ chị T khi đó em của mẹ chị T ra tranh chấp nên giữa gia đình anh và gia đình chị T cũng xảy ra mâu thuẫn. Dẫn đến mâu thuẫn giữa anh và chị T cũng ngày càng gay gắt hơn nên chị T đưa con về nhà mẹ ruột chị T sinh sống. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nhận thấy, hiện nay tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên anh yêu cầu được ly hôn chị Trịnh Thị Thanh T.

- *Về quan hệ con chung:* Có 01 con chung tên Lê Thị T N sinh ngày 10/10/2013 (hiện đang sống với chị T). Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có.

** Về phía bị đơn chị Trịnh Thị Thanh T:* Trong quá trình thụ lý vụ án và hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng chị T không gửi văn bản ghi ý kiến của bản thân, cũng không đến tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị T.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Chí C.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Chí C được ly hôn chị Trịnh Thị Thanh T.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Lê Thị T N sinh ngày 10/10/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn chị Trịnh Thị Thanh T có địa chỉ tại ấp PH, xã Tây P, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Trịnh Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Trịnh Thị Thanh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Chí C và chị Trịnh Thị Thanh T chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 08/4/2013. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Lê Chí C, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh C và chị T chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu và có 01 con chung. Nhưng đến tháng 12/2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn N nhân do bất đồng quan điểm sống, chị T thường xuyên về nhà mẹ ruột ở không quan tâm đến gia đình, giữa gia đình anh C và gia đình chị T phát sinh mâu thuẫn có liên quan về đất đai dẫn đến mâu thuẫn giữa anh C và chị T xảy ra ngày càng nhiều nên chị T đưa con về nhà mẹ ruột chị T sinh sống. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Về phía chị T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho chị T, tạo điều kiện cho chị T hàn gắn tình cảm với anh C nhưng chị T không đến tham dự các phiên hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản nào nêu ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của anh C, cho thấy chị T không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh C để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Chí C.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh C và chị T có 01 con chung tên Lê Thị T N sinh ngày 10/10/2013 hiện đang sống với chị T. Anh C đồng ý giao con

chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Do cháu N đang sống với chị T và chị T cố tình né tránh nên Tòa án không thể lấy lời khai cháu N theo quy định của pháp luật để xem xét nguyện vọng của cháu N khi cha mẹ ly hôn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù không xem xét được nguyện vọng của cháu N nhưng hiện tại cháu N đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Cho nên, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống của cháu N; Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng nhưng phải tạo điều kiện cho anh C thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Lẽ ra, anh C không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa hôm nay anh C không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, chị T vắng mặt đồng thời cũng không có văn bản nào trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không thể ghi nhận và xem xét. Tuy nhiên, khi có điều kiện và tình hình thời gian thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do anh Lê Chí C yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Chí C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Chí C được ly hôn chị Trịnh Thị Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2013 Quyền số 01/2013 ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung tên Lê Thị T N sinh ngày 10/10/2013 cho chị Trịnh Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Anh Lê Chí C không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Chị Trịnh Thị Thanh T phải tạo điều kiện cho anh Lê Chí C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Ghi nhận anh Lê Chí C và chị Trịnh Thị Thanh T không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có N đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì anh Lê Chí C và chị Trịnh Thị Thanh T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Anh Lê Chí C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003997 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

5. Anh Lê Chí C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Trịnh Thị Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Minh Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Minh Tâm